

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17/12/2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nhung.

Ông Phạm Công Định.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 205/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 153/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc A**, sinh năm 1995.

ĐKHKTT: KDC G, phường T, thành phố L1, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn S, xã D, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người được chị A ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án: Bà Vũ Thị C, sinh năm 1990. Địa chỉ: KDC H, phường L2, thành phố L1, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Trần Công L**, sinh năm 1995.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC G, phường T, thành phố L1, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Nhật Bản.

Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A trình bày: Chị và anh Trần Công L được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã L1 (nay là phường T, thành phố L1), tỉnh Hải Dương vào ngày 19/9/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L không dung hòa được mối quan hệ giữa vợ và mẹ đẻ, anh thường xuyên đứng về phía mẹ và có những lời nói, hành động xúc phạm chị, kinh tế anh không đưa cho chị mà đưa cho mẹ anh quản lý dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, tình cảm lạnh nhạt. Đầu năm 2017, chị và gia đình nhà chồng xảy ra cãi nhau nên chị đã bỏ về nhà đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Năm 2018, anh L đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nhưng không nói cho chị biết và anh cũng không liên lạc với chị. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Công L.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Thế L3, sinh ngày 09/6/2014, hiện đang ở với chị. Chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Anh, chị không có tài sản chung, không nợ ai cũng như không ai nợ vợ chồng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị A ủy quyền cho bà Vũ Thị C thay chị giao nhận tài liệu tại Tòa án. Sau khi nhận được các tài liệu, bà C đã thông báo cho chị biết, chị A vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Ông Trần Quốc L4 (là bố anh L) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh L vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại, ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh L biết. Thông qua gia đình anh L trình bày vợ chồng không quan tâm đến nhau từ lâu, tình cảm không còn nên chị A xin ly hôn, anh có quan điểm nhất trí. Khi ly hôn anh đồng ý để chị A nuôi dưỡng con chung là Trần Thế L3, anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, anh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh đề nghị được giải quyết vắng mặt. Ông Lập có quan điểm: vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị A cư xử không khéo léo với chồng và gia đình nhà chồng, vợ chồng mâu thuẫn cả về kinh tế và cách nuôi dạy con cái. Mâu thuẫn vợ chồng không thể dàn xếp được nên chị A đưa con về nhà đẻ ở, gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị A có đơn xin ly hôn, anh L cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh, chị.

Con chung của chị A và anh L là Trần Thế L3 có nguyện vọng được ở với chị A.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị A, anh L đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên năm 2017 chị A đưa con về nhà đẻ ở, nguyên nhân cụ thể địa phương không nắm được. Năm 2018 anh L đi xuất khẩu lao động đến nay chưa về nước, vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi, tình cảm không có sự gắn bó chia sẻ, chị A có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc A ly hôn anh Trần Công L. Về con chung: Giao con chung Trần Thế L3 cho chị A nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị A phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Trần Công L có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại KDC G, phường T, thành phố L1, tỉnh Hải Dương, hiện anh L đang lao động tại Nhật Bản. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị A không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh L ở Nhật Bản. Tòa án đã đề nghị gia đình anh L cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình anh L và gia đình đã thông báo cho anh L biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị A và anh L, đồng thời Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai chị A vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt và có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Trần Công L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã L1 (nay là phường T, thành phố L1), tỉnh Hải Dương ngày 19/9/2013 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, chị A cư xử

không khéo léo với gia đình nhà chồng, anh L lại không dung hòa được mối quan hệ giữa vợ và mẹ đẻ, hơn nữa vợ chồng mâu thuẫn cả về kinh tế dẫn đến thường xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng và không thể dàn xếp được, chị A đã đưa con về nhà đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Năm 2018 anh L đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản, vợ chồng không liên lạc với nhau, nay chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L, thông qua gia đình anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị A ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Thế L3, sinh ngày 09/6/2014, hiện con đang ở với chị A, chị A có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện tại anh L đang lao động ở Nhật Bản, không có mặt tại Việt Nam nên không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Con Trần Thế L3 có nguyện vọng được ở với chị A, anh L cũng có quan điểm nhất trí để chị A nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Trần Thế L3 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị A tạm thời không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng cho con. Nếu có căn cứ cho rằng chị A không đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh L có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A, anh L cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc A ly hôn anh Trần Công L.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Thế L3, sinh ngày 09/6/2014 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị A tạm thời không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu số AA/2020/0004265 ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Công L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường T, thành phố L1, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân Trường**  
**(Đã ký)**